

- Có kiến thức chuyên sâu và sử dụng thành thạo các phương pháp phân tích quan hệ cung cầu hàng hoá và xác định giá cân bằng, phân tích các thông tin kinh tế thị trường.

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả học cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Liệt kê, mô tả được các kiến thức kinh tế học, cung cầu hàng hóa.
CLO2	Khái quát hóa được các vấn đề về lý thuyết hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất.
CLO3	Vận dụng và tính toán được các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia
CLO4	Phân biệt và áp dụng linh hoạt các chỉ tiêu lạm phát và thất nghiệp

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I, A	I									I	
CLO 2		I		I		I	R		I		I	
CLO 3		I				I	I		I			
CLO 4				I		R	R		I		I	R
Tổng hợp học phần	I, A	I		I		R	R		I		I	R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%				CLO4	<i>Đánh giá theo Rubric 1</i>
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Chương 1, chương 2	30%		CLO 1	<i>Đánh giá theo Rubric 4; kiểm tra viết theo thang điểm 10</i>
		A2.2. Tuần 10: Chương 3 và chương 4	30%		CLO 2	
		A2.3. Tuần 15: Chương 5 và chương 6	40%		CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp			CLO 1 CLO 3 CLO 4	<i>Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 5</i>

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT, BT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học 1.1 Sự ra đời của kinh tế học	2 LT	1.1. Nắm được đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế học	CLO 1	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
2	Chương 1: tiếp theo 1.2 Ba vấn đề cơ bản và vai trò của thị trường	2 LT	1.2. Nắm được ba vấn đề cơ bản trong một nền kinh tế	CLO 1	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn		
3	Chương 1: tiếp theo 1.3 Vai trò của chính phủ Chương 2: Lý thuyết cung cầu hàng hóa và thị trường	1LT 1LT	1.3. Nắm được lý thuyết vai trò của chính phủ 2.1. Nắm được những	CLO 1 CLO 1	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn		

	2.1. Thị trường		nội dung cơ bản liên quan đến các thị trường				
4	Chương 2: tiếp theo 2.2. Cầu 2.3. Cung	2 LT	2.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến cầu 2.3. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến cung	CLO 1 CLO 1	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
5	Chương 2: Tiếp theo 2.4. Trạng thái cân bằng thị trường 2.5. Độ co giãn	2 LT	2.4. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến cân bằng thị trường 2.5. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến độ co giãn	CLO 1 CLO 1	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

6	<p>Chương 3: Lý thuyết về hành vi người tiêu dùng</p> <p>3.1. Hữu dụng</p> <p>3.2. Đường bàng quan</p>	2 LT	<p>3.1. Nắm được những nội dung cơ bản về hữu dụng</p> <p>3.2. Nắm được những nội dung cơ bản về đường bàng quan</p>	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
7	<p>Chương 3: Tiếp theo</p> <p>3.3. Đường ngân sách</p> <p>3.4 Nguyên tắc tối đa hoá hữu dụng</p>	2LT	<p>3.3. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến đường ngân sách</p> <p>3.4. Nắm được các nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p>	CLO2 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
8	<p>Chương 3: Tiếp theo</p> <p>3.5 Đường chi tiêu, tổng chi tiêu</p> <p>Chương 4: Lý thuyết hành vi nhà sản xuất</p> <p>4.1 Bản chất của quá trình sản xuất</p>	1 LT 1LT	<p>3.5. Nắm được các kiến thức cơ bản về đường chi tiêu và tổng chi tiêu</p> <p>4.1. Nắm được những nội dung về bản chất của quá trình sản xuất</p>	CLO 3 CLO 3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm,</p>	A2.1

						làm bài tập	
9	Chương 4: tiếp theo 4.2 Năng suất biên và năng suất trung bình	2LT	4.2. Hiểu được và phân biệt được năng suất biên, năng suất trung bình	CLO 3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
10	Chương 4: Tiếp theo 4.3 Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận	2LT	4.3. Hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận	CLO3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
11	Chương 5: Đo lường sản lượng quốc gia 5.1. Thu nhập quốc nội và thu nhập quốc dân	2LT	5.1. Hiểu được những vấn đề về lý thuyết thu nhập của quốc gia	CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm,	

						làm bài tập	
12	Chương 5: Tiếp theo 5.2. GDP danh nghĩa, GDP thực tế và chỉ số điều chỉnh GDP	2 LT	5.2. Nắm vững và vận dụng được các vấn đề về GDP	CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
13	Chương 5: Tiếp theo 5.2. GDP danh nghĩa, GDP thực tế và chỉ số điều chỉnh GDP (tiếp) Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp 6.1 Lạm phát	1LT 1LT	5.2. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến lý thuyết về chỉ số điều chỉnh GDP 6.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến lý thuyết về lạm phát	CLO 4 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
14	Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp 6.1 Lạm phát tiếp theo	2LT	6.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến lý thuyết về lạm phát	CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm,	

						làm bài tập	
15	Chương 6: tiếp theo 6.2 Thất nghiệp	2 LT	6.2. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến thất nghiệp	CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5], [6]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.2
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, tìm trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số...).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thị Kim Phụng	2021	<i>Bài giảng Kinh tế học đại cương</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Trần Thị Lan Hương	2009	<i>Giáo trình Kinh tế học đại cương</i>	NXB Giáo dục
3	Cao Thị Toàn	2001	<i>Đề cương bài giảng kinh tế học đại cương</i>	Knxb]
4	Việt Hà	2007	<i>Kinh tế học đại cương</i>	NXB Đồng Nai
5	Trần Đăng Thịnh, Võ Hữu Phước, Huỳnh Thị Cẩm Tú	2009	<i>Giáo trình Kinh tế học đại cương</i>	NXB Đại học Quốc Gia Tp. HCM
6	Nguyễn Văn Luân, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Chí Hải	2007	<i>Kinh tế học đại cương</i>	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>
6	Giảng đường A	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 6</i>

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 5.

Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe,	20%

	không phù hợp, giống nói khó nghe.	Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	trả lời lờ lờ phù hợp, dễ hiểu.	giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	tương tác tốt với người nghe.	
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Kim Phụng